



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU (MÃ CK: SSG)

Số 12 Đoàn Như Hải phường 12 quận 4 Tp. HCM

Tel: 08.38266254/38266781; Fax: 08.38266712

Website: www.seagullshipping.com.vn

E-mail: sesco@hcm.fpt.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2017





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Số 12 Đoàn Như Hải phường 12 quận 4 Tp. HCM

Tel: 08.38266254/38266781; Fax: 08.38266712

Website: www.seagullshipping.com.vn

E-mail: sesco@hcm.fpt.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

Mã CK : SSG

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát: Lịch sử hoạt động của Công ty

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu
- Tên viết tắt : SESCO
- Tên Tiếng Anh : SEAGULL SHIPPING COMPANY

• Biểu tượng của Công ty :



- Giấy CNĐKKD : Số 4103000083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/06/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 07/07/2016.
- Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng).
- Địa chỉ : Số 12 Đoàn Như Hải, p. 12, Quận 4, Tp. HCM.
- Điện thoại : (84-08) 3 8266781
- Fax: : (84-08) 38266712
- Webside : www.seagullshipping.com.vn
- Mã cổ phiếu : SSG

- **Quá trình hình thành và phát triển:**

Năm 2000, theo chương trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước của Chính phủ, công ty cổ phần Vận tải biển Hải Âu được thành lập theo quyết định số 29/2000/QĐ-TTg ngày 28/02/2000 của Thủ tướng Chính phủ. Từ một công ty nhà nước trực thuộc Công ty vận tải Biển Việt Nam (Vosco) chuyển đổi mô hình hoạt động thành công ty cổ phần.

Tại thời điểm cổ phần hóa, tài sản của Công ty cổ phần Vận tải biển Hải Âu là tàu vận tải hàng khô mang tên Southern Star, có tải trọng 6.500 DWT, đóng năm 1983, trị giá tài sản khoảng 13,5 tỷ đồng. Vốn cổ phần là 15.000.000.000 đồng.

Kinh doanh vận tải biển là hoạt động kinh doanh chính. Công ty có đội tàu chuyên chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và vận chuyển hàng hóa giữa các cảng quốc tế. Vùng hoạt động của đội tàu Công ty không hạn chế. Sau 14 năm hoạt động, Hải Âu đã có những bước phát triển nhất định. Khách hàng tin tưởng đội tàu công ty vận chuyển hàng hóa an toàn, đảm bảo chất lượng. Đội tàu công ty từ 01 con tàu trọng tải 6.500 tấn khi thành lập đến cuối năm 2006 đội tàu phát triển thành 04 tàu với tổng trọng tải trên 30.000 tấn. Đến 31/12/2016 đội tàu công ty còn 02 tàu với tổng trọng tải 21.266 tấn, tuổi tàu bình quân 13 tuổi.

Cuối năm 2008, công ty đầu tư mua trụ sở số 12 Đoàn Như Hải phường 12 quận 4 Tp. Hồ Chí Minh. Trong quá trình hoạt động, công ty luôn cố gắng tuân thủ pháp luật tại Việt Nam và pháp luật quốc tế. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, không nợ đọng thuế.

Ngày 05/01/2011, cổ phiếu công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán SSG. Do bị lỗ 3 năm liên tiếp, ngày 15/05/2015, cổ phiếu công ty bị hủy niêm yết tại HNX.

Từ ngày 03/06/2015, cổ phiếu công ty (SSG) niêm yết và đăng ký giao dịch tại thị trường UPCOM.

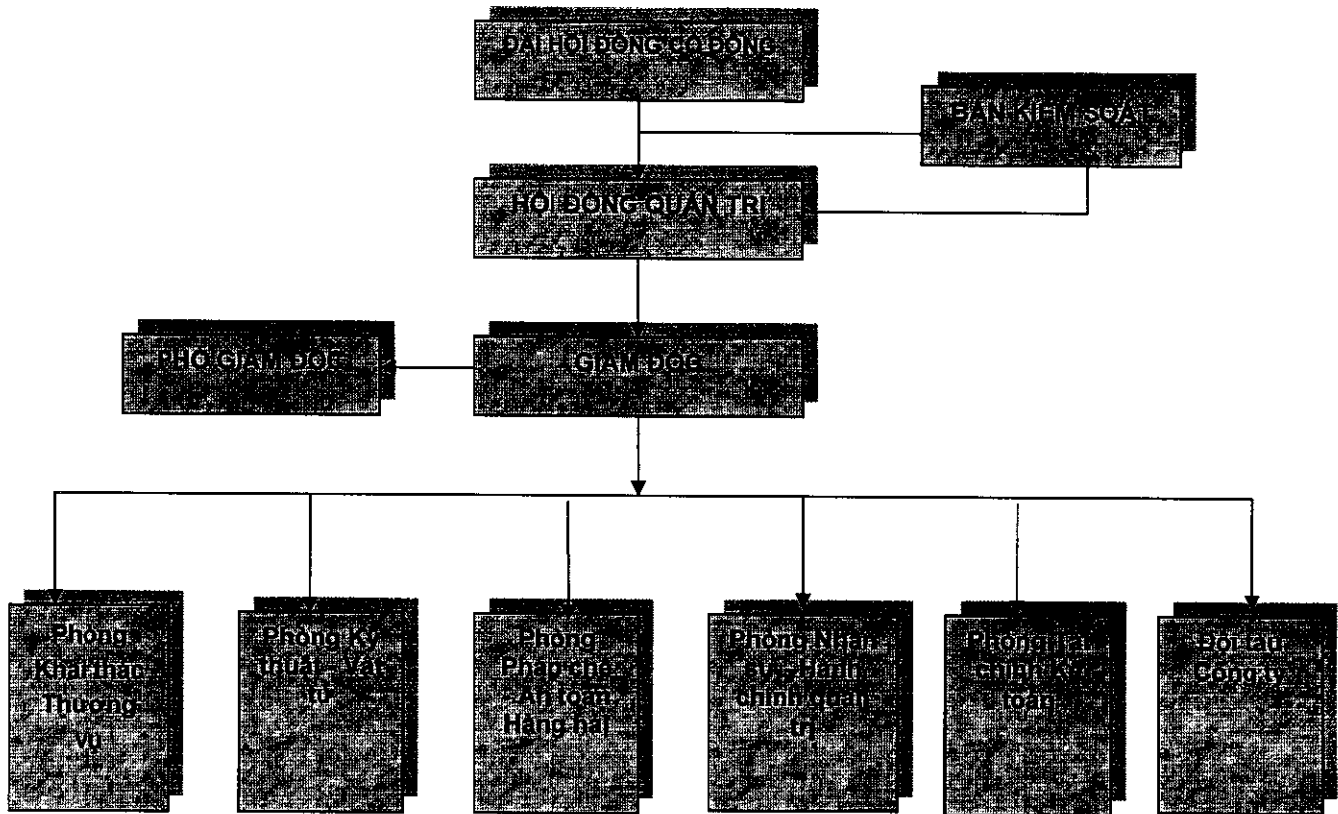
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là vận tải biển trong và ngoài nước.

- Địa bàn kinh doanh: Vận tải hàng hóa giữa các cảng trong nước, giữa cảng trong nước và quốc tế, giữa các cảng quốc tế. Các tàu của công ty chủ yếu hoạt động ở khu vực Đông Nam Á và Bắc á.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu hoạt động theo Luật doanh nghiệp 2015, Điều lệ Công ty, Bộ Luật Hàng Hải và các luật khác có liên quan



4. Định hướng phát triển

- Công ty cố gắng trẻ hóa, tăng trọng tải đội tàu. Tuy nhiên, hiện nay kinh doanh vận tải biển gặp rất nhiều khó khăn nên tạm thời công ty chưa đầu tư thêm tàu, phát triển các dịch vụ khác.

- Trong quá trình kinh doanh, công ty luôn tuân thủ theo các quy trình quản lý an toàn đảm bảo an toàn đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

5. Các rủi ro:

Sau một thời gian giảm giá, hiện nay giá dầu lại tăng, chi phí nhiên liệu, dầu nhớt là các khoản mục chi phí lớn chiếm trên 40% doanh thu. Giá dầu tăng, chi phí dịch vụ hàng hải tăng, hàng hóa khan hiếm, tàu chạy rỗng nhiều mà giá cước vận tải giảm khiến cho các doanh nghiệp vận tải biển hiện nay gặp rất nhiều khó khăn. Khủng hoảng kinh tế khu vực và thế giới sản xuất đình trệ ảnh hưởng mạnh mẽ đến kinh doanh vận tải biển. Ngoài ra, thời tiết cũng là một yếu tố bất khả kháng ảnh hưởng đến an toàn của con người, tài sản và hàng hóa vận chuyển, thời gian xếp dỡ hàng hóa. Để ngăn ngừa rủi ro, công ty luôn tham gia đầy đủ các loại bảo hiểm như bảo hiểm thân tàu, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu đối với bên thứ 3, bảo hiểm tai nạn thuyền viên.

II. Tình hình hoạt động trong năm năm 2016

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016, thị trường kinh doanh vận tải biển vẫn rất ảm đạm. Giá dầu tăng, hàng hóa khan hiếm, tàu phải chạy rỗng nhiều nên hiệu quả kinh doanh thấp.

Để đảm bảo hiệu quả kinh doanh và đạt được các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông năm 2016, Ban điều hành cố gắng tìm khách hàng cho thuê định hạn cả 02 tàu. Tuy nhiên khách hàng chỉ thuê tàu Sea Dream, không thuê tàu Sea Dragon. Giữa tháng 11/2016, mới có khách hàng thuê định hạn Sea Dragon.

Công ty đã phải cắt giảm chi tiêu, hạn chế tối đa các chi phí trong quản lý khai thác đội tàu. Ngoài ra phải kể đến sự đồng thuận và gắn bó của cán bộ công nhân viên trong công ty đã chia sẻ khó khăn sát cánh cùng nhau đưa công ty vượt qua giai đoạn khó khăn

- Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2016

SỐ TT	NỘI DUNG	PHÊ DUYỆT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	THỰC HIỆN NĂM 2016	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI PHÊ DUYỆT	SO SÁNH VỚI THỰC HIỆN NĂM 2015
1	Tổng doanh thu vận tải biển (triệu đồng)	60.000	52.170	86,95%	68,30%
2	Quỹ lương (triệu đồng)	8.600	8.507	98,92%	101,47%
3	Mức trích khấu hao tàu	- Tàu Sea Dream: 5% - Tàu Sea Dragon: 6,67%	- Tàu Sea Dream: 5% - Tàu Sea Dragon: 6,67%	- Tàu Sea Dream: 5% - Tàu Sea Dragon: 6,67%	100,00%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN (triệu đồng)	(4.489)	(14.834)	-	(năm 2015 Công ty lỗ 11.623 triệu đồng)

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch

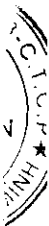
Trong năm 2016 Công ty đã hoàn thành các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Công ty về khấu hao tàu, trích quỹ tiền lương, nhưng không hoàn thành được chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận. Trong đó:

- Tổng doanh thu vận tải đạt 52.170 triệu đồng, bằng 86,95% kế hoạch (60.000 triệu đồng) do từ ngày 22/08/2015, cước thuê định hạn tàu giảm 9% so với thời điểm lập kế hoạch và tàu Sea Dragon cho thuê định hạn 45 ngày từ 17/11 đến 31/12/2016 (kế hoạch tàu Sea Dragon tự khai thác cả năm 2016).

- Quỹ tiền lương quyết toán thực tế là 8.507 triệu đồng bằng 98,92% kế hoạch (8.600 triệu đồng). Như vậy Công ty đã chủ động tiết giảm một phần chi phí tiền lương theo đơn giá được phê duyệt.

- Khấu hao tàu Sea Dragon là 6,67% và khấu hao tàu Sea Dream là 5,0%, bằng 100% kế hoạch.

- Mức chi thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát: Không có.



- Năm 2016 Công ty bị lỗ 14.834 triệu đồng, trong đó lỗ hoạt động tài chính là 5.176 triệu đồng (lỗ phát sinh do lãi vay là 3.918 triệu đồng và lỗ chênh lệch tỷ giá là 1.258 triệu đồng) và lỗ của hoạt động khai thác tàu là: 9.658 triệu đồng.

Như vậy dù có nhiều cố gắng về các chỉ tiêu nêu trên nhưng Công ty vẫn không đạt kế hoạch về chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21/04/2016 đã thông qua. Việc lỗ kinh doanh năm 2016 cao hơn năm 2015 cũng là thực trạng chung của các doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển hiện nay nhất là các doanh nghiệp đầu tư vay USD để mua tàu

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành và các cán bộ quản lý:

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Hữu Hoàn	Giám đốc	3,10%
2	Lê Thanh Hà	Kế toán trưởng	0,10%
3	Nguyễn Cao Thắng	Trưởng phòng Khai thác - Thương vụ	0,85%
4	Nguyễn Xuân Lộc	Trưởng Kỹ thuật – Vật tư	0%
5	Nguyễn Văn Trung	Trưởng phòng Pháp chế An toàn	0%

- Lý lịch Ban điều hành

a. Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc điều hành

1. Họ và tên: Nguyễn Hữu Hoàn
2. Giới tính: Nam
3. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển
4. Quá trình công tác:

Từ 1979-1983	Cán bộ Phòng Hàng hải Công ty Vận tải biển Việt Nam
Từ 1983-1988	Cán bộ Phòng Khai thác Thương vụ Công ty Vận tải biển Việt Nam
Từ 1989-1990	Quản trị trưởng tàu Tô Lịch
Từ 1990-1995	Đại diện Công ty Vận tải biển Việt Nam tại Thái Lan, Giám đốc điều hành Công ty liên doanh Vận tải biển TVS tại Bangkok, Thái Lan
Từ 1995-2000	Giám đốc Công ty Vận tải biển Hải Âu, thuộc Công ty Vận tải biển Việt Nam

Từ 2000- 2002	Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu.
Từ 2002-2008	Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu, Phó trưởng ban Kế hoạch Đầu tư Cục Hàng hải Việt Nam
Từ 2008 – 2014	Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu.
Từ 2014 – 2015	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu.

b. Kế toán trưởng

1. Họ và tên: Lê Thanh Hà
2. Giới tính: nữ
3. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
4. Quá trình công tác:

Từ 1997-1999 : Làm việc tại phòng Tài chính - Kế toán Công ty Vận tải biển Việt Nam

Từ 1999-2000 : Làm việc tại Công ty Vận tải biển Hải Âu trực thuộc Công ty Vận tải biển Việt Nam

Từ 2000-đến nay : Làm việc tại Công ty Cổ phần Vận tải biển Hải Âu

- Số lượng nhân viên công ty vào ngày 31/12/2016 là 47 người.

- Chính sách đối với người lao động:

❖ *Chính sách tuyển dụng, huấn luyện và đào tạo:*

Để giảm bớt chi phí trong năm, công ty đã giảm bớt bộ máy quản lý văn phòng. Nâng cao hiệu quả công việc của từng cán bộ công nhân viên, không tuyển thêm người khi người lao động nghỉ. Không bổ sung chức danh Phó Giám đốc kỹ thuật khi cán bộ giữ vị trí này về hưu.

Nhằm đảm bảo số lượng, chất lượng của thuyền viên làm việc trên các con tàu trong điều kiện nặng nhọc nguy hiểm, công ty xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động để bổ sung nguồn nhân lực. Công ty thực hiện chính sách tuyển dụng công khai, rộng rãi, đúng chuyên môn nghiệp vụ. Sau khi tuyển dụng, được Công ty huấn luyện cơ bản nhằm đảm bảo hoàn thành công việc được giao.

❖ *Chính sách bảo đảm an toàn lao động:*

Mọi chức danh làm việc trên tàu đều được huấn luyện và có chứng chỉ an toàn phù hợp, được trang bị phòng hộ cá nhân đảm bảo yêu cầu an toàn. Tổ chức mạng

lưới an toàn vệ sinh, đảm bảo đôn đốc, nhắc nhở thực hiện quy trình an toàn trong từng ca làm việc.

❖ **Chính sách tiền lương:**

Quỹ tiền lương không tăng trong khi đó giá nhân công càng ngày càng tăng vì tiền lương, tiền công là đòn bẩy để tăng năng suất lao động và tăng cường hiệu quả công tác. Để đảm bảo lương cho khối thuyền viên, tiết giảm thiểu chi phí tiền lương, công ty đã giảm lương khối quản lý. Chính sách tiền lương được xây dựng trên cơ sở đảm bảo hài hòa các lợi ích của công ty và Người lao động, phù hợp đặc thù của ngành nghề đi biển và thị trường lao động.

❖ **Chính sách phúc lợi:**

Công đoàn công ty chăm lo đời sống của cán bộ công nhân viên và thuyền viên, thường xuyên thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ. Tất cả các tàu của Công ty đều có phòng câu lạc bộ được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ đời sống tinh thần thuyền viên khi làm việc trong điều kiện nặng nhọc, nguy hiểm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Năm 2016 tình hình kinh doanh vận tải biển nói chung và công ty cổ phần Vận tải biển Hải Âu nói riêng chưa có dấu hiệu khởi sắc. Tuy giá dầu đã giảm sâu so với năm 2014, nhưng hàng hóa luân chuyển khan hiếm làm cho ngành vận tải biển hàng khô ảm đạm. Công ty đã tạm dừng không tiếp tục đàm phán, giao dịch với các đơn vị môi giới mua bán tàu.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Tăng giảm
<i>Tổng giá trị tài sản</i>	144.028.371.326	121.335.697.911	84,24%
<i>Doanh thu thuần</i>	76.385.554.838	52.170.205.312	68,30%
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</i>	(11.526.109.855)	(14.831.921.568)	
<i>Lợi nhuận khác</i>	(96.699.124)	(2.100.000)	
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	(11.622.808.979)	(14.834.021.568)	
<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	(11.622.808.979)	(14.834.021.568)	
<i>Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức</i>	0	0	

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn TSLĐ/ Nợ ngắn hạn	0,14	0,03
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0,12	0,02
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số nợ/Tổng tài sản (lần)	0,60	1,19
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	-10,89	-6,34
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay Hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/ Tồn kho bình quân	22,29	40,36
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản (lần)	0,53	0,43
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi		
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-15,22%	-28,00%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	148%	65%
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-8%	-12%
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	-15,09%	-28,00%

* *Về khả năng thanh toán:* Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số khả năng thanh toán nhanh là chỉ số thể hiện khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn trả nợ của Công ty. Hệ số khả năng thanh toán của công ty năm 2016 không tốt bằng năm 2015 do giá cước vận tải giảm khiến doanh thu sụt giảm nhưng chi phí dịch vụ không giảm.

* *Về cơ cấu vốn:* Phần lớn nguồn vốn hoạt động của công ty được tài trợ từ nguồn vốn vay. Công ty đã sử dụng đòn bẩy tài chính ở mức tương đối lớn. Đây cũng là nét đặc trưng của các doanh nghiệp vận tải biển khi đầu tư phát triển và trẻ hóa đội tàu. Vốn vay thường chiếm 70-75% giá trị. Năm 2016, hệ số nợ trên tổng tài sản của công ty tăng so với năm 2015.

* *Về hiệu quả sinh lời:* Thị trường vận tải biển trong năm 2016 không có dấu hiệu khởi sắc nên công ty bị lỗ do giá cước sụt giảm. Tàu năm đã sửa chữa định kỳ 25 ngày.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 5.000.000 cổ phiếu phổ thông (Năm triệu cổ phiếu).

- Hiện nay Trung tâm lưu ký chứng khoán quản lý sổ cổ đông nên danh sách cổ đông chỉ được cung cấp khi công ty thực hiện việc chốt quyền cổ đông theo luật định.

b. Cơ cấu cổ đông

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn (Sở hữu từ 5% vốn trở lên) :

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu / Vốn điều lệ
1	Tổng Cty Hàng Hải VN – Công ty TNHH MTV	Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Q.Đống Đa, Hà Nội	26,46%
2	Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ	Tầng 37, keangnam Hanoi Landmark tower, đường Phạm Hùng, quận Nam từ Liêm, TP Hà Nội	8,82%
3	Cty CP Quản Lý Quỹ Tín Phát	phòng 305, tầng 3, tháp A, tòa nhà Sky Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa Hà Nội	8,82%
4	Cổ đông nhỏ		55,90%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm, vốn điều lệ của Công ty không thay đổi: 50.000.000.0000 VNĐ (Năm mươi tỷ đồng) do không phát sinh đợt tăng vốn cổ phần nào.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại là 18.810 cổ phiếu. Trong năm không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

c. Các chứng khoán khác

- Công ty không có trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...)

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Ngành nghề kinh doanh của công ty là vận tải biển. Đây là ngành dịch vụ không phải ngành sản xuất nên không có nguyên vật liệu đầu vào.

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: các tàu khi vận hành khai thác sử dụng dầu D/O và F/O. Ngoài ra trên văn phòng tiêu thụ điện sinh hoạt.

b. Năng lượng tiết kiệm:

- Vận hành tàu hoạt động với tốc độ hợp lý để giảm thiểu mức tiêu hao nhiên liệu. Trong sinh hoạt của Thuyền viên, tiết kiệm điện để giảm nhiều liệu cho máy đèn.

3/20
 Y
 N
 IÊN
 U
 H/M/

- Đối với điện sinh hoạt trên văn phòng: Tiết kiệm điện tối đa: Ra vào đóng cửa, tắt đèn. Hạn chế bật điều hòa. Sử dụng các năng lượng thiên nhiên khi điều kiện thời tiết cho phép.

c. *Các báo cáo, sáng kiến, tiết kiệm năng lượng*: Hạn chế sử dụng điều hòa trong khối văn phòng nhằm giảm sự thoát nhiệt ra ngoài không khí và thải khí CO₂. Trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên công ty tạo bóng mát để giảm thiểu công suất làm việc các thiết bị làm mát.

6.3 Tiêu thụ nước:

a. *Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:*

+ Đối với các tàu vận hành trên biển: Nước được mua từ các nhà cung cấp dịch vụ tàu biển khi cập cảng và được dự trữ trong các két nước. Ngoài ra, một số tàu biển có thể sản xuất được nước ngọt từ nước biển. Trung bình mỗi tàu biển sử dụng gần 8 tấn nước/ ngày. Nước được dùng để phục vụ sinh hoạt cho thuyền viên và rửa hầm hàng sau khi dỡ hàng, làm mát máy.

+ Đối với khối văn phòng: Nước được mua từ các công ty cấp nước và phục vụ cá nhân trong thời gian làm việc tại văn phòng. Khối lượng nước sử dụng hàng tháng khoảng 25 m³/ tháng.

b) *Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng*

+ Trên các tàu biển, khi chạy biển các tàu có thể lọc được khoảng 4 tấn nước ngọt/ ngày. Lượng nước trung cất này chỉ sử dụng để rửa hầm hàng, tắm giặt không dùng để nấu nướng hay ăn uống.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Do các tàu của công ty hoạt động không giới hạn trên các vùng biển trên thế giới. Chính vì vậy, công ty luôn luôn tuân thủ nghiêm ngặt luật pháp của Việt nam và các nước sở tại trong đó có pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm công ty không bị xử phạt vi phạm vì luôn tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) *Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động*

Số lượng người lao động công ty tại thời điểm 31/12/2016 là 47 người. Mức lương bình quân trên 10 triệu đồng/ người.

b) *Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:*

Người lao động công ty được đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ. Ngoài ra công ty còn tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ tàu với bên thứ 3, tham gia bảo hiểm tai nạn thuyền viên.

Chế độ phúc lợi của người lao động: Công ty tổ chức thăm hỏi, động viên người lao động và gia đình theo đúng quy định của pháp luật

c) *Hoạt động đào tạo người lao động:*

Nghề đi biển là ngành nghề độc hại, nguy hiểm. Các thuyền viên khi nhập tàu đều qua các lớp huấn luyện an toàn từ cơ bản đến nâng cao, cứu sinh, cứu hỏa. Ngoài ra theo quy định của pháp luật, khi trên biển định kỳ người lao động phải tổ chức thực tập cứu sinh, cứu hỏa.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

Thuyền viên công ty đảm bảo số giờ đào tạo theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và quốc tế.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động học tập, phát triển chuyên môn. Người lao động có chuyên môn nghiệp vụ cao là nhân tố quan trọng đảm bảo cho họ ổn định công việc và phát triển sự nghiệp.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Hằng năm, công ty hỗ trợ tài chính cho chương trình phát triển cộng đồng do chính quyền, Đảng ủy, công đoàn địa phương nơi công ty đóng trụ sở phát động.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1 Doanh thu

Chỉ tiêu doanh thu trong vận tải biển là quan trọng vì nó là chỉ tiêu “đầu vào” của vận tải; tuy nhiên chỉ số doanh thu của Công ty trong năm 2016 phụ thuộc vào hình thức khai thác tàu. Tàu được đưa vào hình thức khai thác chạy “ hàng chuyến ” hay “ cho thuê định hạn ”. Tại thời điểm xây dựng chỉ tiêu doanh thu năm 2016, HĐQT và Ban điều hành dựa vào hình thức khai thác tàu: Tàu Sea Dream cho thuê định hạn (time charter) còn tàu Sea Dragon công ty tự khai thác. Thực tế năm 2016 tàu Sea Dream cho thuê định hạn cả năm nhưng đến 21/8/2016 giá thuê tàu định hạn giảm còn tàu Sea Dragon cho thuê định hạn từ ngày 16/11 cùng với một vài khó khăn không lường được đã dẫn đến doanh thu giảm so với kế hoạch.

a. Tàu Sea Dream

Do tình hình hàng hóa khan hiếm, giá nhiên liệu nhích lên, cước giảm Người thuê tàu bị lỗ nặng, nên đến cuối tháng 7/2016, người thuê tàu thông báo sẽ trả tàu sau chuyến cuối cùng dự kiến vào trung tuần tháng 8. Sau khi xem xét thị trường vận tải, công ty quyết định tiếp tục cho thuê với giá cước giảm 10%. Nên tổng doanh thu giảm so với thời điểm phê duyệt kế hoạch 2016 là 88.153,10^{USD} tương đương 1.997 triệu đồng. Ngoài ra khi xây dựng kế hoạch thời gian lên đà dự kiến là 20 ngày. Tuy nhiên do mưa nhiều, tàu trong đà không ra được nên thực tế mất 25 ngày khiến doanh thu giảm 340 triệu đồng. Nên tổng doanh thu giảm so với kế hoạch là 2.337 triệu đồng.

b. Tàu Sea Dragon

Tàu này công ty tự khai thác 321 ngày (từ 1/1 đến 16/11/2016). Trước tình hình hàng hóa khan hiếm, giá cước thấp, nhiên liệu nhích dần lên và phương án cho thuê định hạn hiệu quả hơn phương án tự khai thác, công ty đã cho tàu vào thuê định hạn.

Nếu tính doanh thu 45 ngày tàu cho thuê định hạn tương đương với doanh thu của 321 ngày tự khai thác thì doanh thu tự khai thác tàu Sea dragon năm 2016 như kế hoạch là 36.320 triệu đồng nên tàu này thiếu hụt so với kế hoạch 1.000 triệu đồng.

Doanh thu cả 2 tàu năm 2016 là 52.170 triệu đồng đạt 86,95% so với kế hoạch là 60.000 triệu đồng và bằng 68,30% so với năm 2015 (76.386 triệu đồng).

1.2 Chi phí tiền lương

Trong năm 2016, công ty đã chi trả cho người lao động 8.507 triệu đồng bằng 98,92% so với phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông (8.600 triệu đồng). Công ty đã giảm 93 triệu đồng chi phí tiền lương. Để giảm lỗ công ty đã cố gắng tiết kiệm chi phí tiền lương bằng cách giảm biên chế khối gián tiếp (công ty không có chức danh Phó giám đốc kỹ thuật); giảm lương khối văn phòng. Sau khi tìm hiểu thị trường lao động, công ty buộc phải tăng lương một số chức danh của thuyền viên từ tháng 12/2016 để thuyền viên yên tâm gắn bó với công ty.

Hiện nay, so với các công ty vận tải biển cùng quy mô trong nước, cùng ngành nghề, quy mô và cỡ tàu, vùng hoạt động mức lương của người lao động ở công ty thấp hơn.

1.3 Khấu hao cơ bản

Khấu hao cơ bản đối với hai tàu bình quân là 5,62%/ nguyên giá bằng 100% kế hoạch. Tàu Sea Dream khấu hao ở mức 5% / nguyên giá; tàu Sea Dragon ở mức 6,67%.

1.4 An toàn - pháp chế, bảo hiểm tàu, thuyền viên

a. An ninh – an toàn hàng hải

Trong năm 2016 có 10 lượt kiểm tra của PSC ở các cảng phát hiện một số khiếm khuyết. Công ty đã khắc phục kịp thời để tránh mất ngày tàu đồng thời phân tích, làm rõ nguyên nhân để rút kinh nghiệm.

b. Bảo hiểm tàu

Công ty đã tham gia đầy đủ Bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu, Bảo hiểm thân vỏ tàu, Bảo hiểm tai nạn thuyền viên.

c. Công tác thuyền viên

Hiện nay, công tác tuyển dụng thuyền viên gặp nhiều khó khăn do:

- Chất lượng thuyền viên cả về chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp, kỷ luật lao động.. rất kém so với trước và với yêu cầu.

030
HỘI
DŨ P
N TÀ
IAI
TP.H

- Do tài chính của công ty rất hạn hẹp mức thu nhập của thuyền viên làm việc trên tàu của công ty thấp, không được hấp dẫn. Điều này rất khó cho những chức danh phải thay khẩn cấp và hoặc đột nhiên thiếu hụt trên thị trường lao động hàng hải.

- Những năm 2014 trở về trước công ty hầu hết sử dụng thuyền viên của công ty, nhưng từ đó đến nay nhiều chức danh đã rời bỏ công ty đi cho các công ty khác. Lượng thuyền viên mới tuyển dụng chiếm tới 40%.

1.5 Chi phí nhiên liệu, phụ tùng vật tư

Chi phí nhớt, phụ tùng vật tư năm 2016 tàu Sea Dragon là 2.189 triệu đồng bằng 90,79% so với cùng kỳ năm trước (2.411 triệu đồng), tàu Sea Dream là 2.016 triệu đồng bằng 62,03% so với năm 2014 (3.250 triệu đồng). Tổng chi phí nhớt, phụ tùng vật tư 2 tàu năm 2016 là 4.204 triệu đồng bằng 72,25% so với cùng kỳ năm trước (5.662 triệu đồng) và bằng 95,55 % so với kế hoạch (4.400 triệu đồng). Trong thời gian cho thuê định hạn, tàu Sea Dream có về Việt Nam vài lần ngoài thời gian lên đà nên chi phí phụ tùng vật tư giảm hơn so với năm 2015, ngoài ra các biện pháp thắt chặt quản lý dầu nhớt, phụ tùng, vật tư đã phát huy hiệu quả

1.6 Chi phí lên đà sửa chữa

Từ ngày 02/12 đến 25/12/2016, tàu Sea Dream lên đà tại Công ty TNHH nhà nước MTV công nghiệp tàu thủy Sài Gòn (SSIC). Trong thời gian lên đà, nhiều hạng mục phải thuê ngoài nhưng thuyền viên đã tự làm với chi phí thấp hơn.

Do tài chính hạn hẹp nên công ty đã cố gắng tiết kiệm tối đa các hạng mục sửa chữa nhưng vẫn đạt được các tiêu chuẩn về an toàn theo yêu cầu của cơ quan đăng kiểm.

** Những tiến bộ công ty đã đạt được.*

Giảm các khoản mục chi phí để giảm lỗ. Tuy nhiên công ty vẫn tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Công ty còn mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu (P&I); bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm tai nạn, sức khỏe thuyền viên với tổng giá trị tài sản mua bảo hiểm hợp lý để phòng rủi ro.

Nguồn thu Công ty đã thu đủ, thu hết. Dòng vốn lưu động đã bớt căng thẳng. Công ty đã giảm dần thời gian nợ khách hàng

2. Tình hình tài chính năm 2016

a. Tình hình tài sản

Tổng tài sản của Công ty là: **121.336 triệu đồng** (bằng 84,24% so với năm trước), trong đó một số tài sản chủ yếu như sau:

a) Tổng tài sản ngắn hạn: **3.943 triệu đồng**, chiếm **3,25%** tổng tài sản. Các tài sản chủ yếu là: Tiền và các khoản tương đương tiền (**113 triệu đồng**); Các khoản phải thu ngắn hạn (**1.166 triệu đồng**); Nguyên, vật liệu tồn kho (**1.022 triệu đồng**), chi phí trả trước ngắn hạn (**575 triệu đồng**).

000
TY
HÂN
BIỆ
ÂU
CH

b) Giá trị còn lại của tài sản cố định là: **107.501 triệu đồng**, chiếm **88,60%** tổng tài sản. Các tài sản cố định chủ yếu là tàu và trụ sở Công ty, cụ thể như sau:

- Tàu Sea Dream: nguyên giá là: 177.361 triệu đồng, giá trị còn lại là: 42.520 triệu đồng (bằng 23,97% nguyên giá).

- Tàu Sea Dragon: nguyên giá là: 105.623 triệu đồng, giá trị còn lại là: 52.257 triệu đồng (bằng 49,47% nguyên giá).

- Công ty đã thực hiện mua bảo hiểm cho các tài sản và tàu của Công ty với tổng giá trị tài sản mua bảo hiểm hợp lý để phòng ngừa rủi ro.

- Trụ sở Công ty tại số 12, đường Đoàn Như Hải, phường 12, quận 4 thành phố Hồ Chí Minh: Nguyên giá (hữu hình và vô hình): 13.919 triệu đồng, giá trị còn lại: 12.724 triệu đồng (bằng 91,41% nguyên giá). Trong đó: nguyên giá vô hình quyền sử dụng đất 6.684 triệu đồng không trích khấu hao theo quy định của Bộ Tài chính.

c) Các khoản chi phí trả trước dài hạn là: **9.669 triệu đồng**, chiếm **7,97%** tổng tài sản.

b. Nợ phải trả

Tổng nợ phải trả là: **144.043 triệu đồng**, chiếm **118,71%** tổng nguồn vốn chủ yếu là:

- Vay tín dụng ngân hàng đóng mới tàu Sea Dream là : 28.398 triệu đồng

- Vay tín dụng ngân hàng mua tàu Sea Dragon là : 80.040 triệu đồng

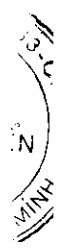
- Phải trả cho người bán là **6.536 triệu đồng** (chủ yếu là tiền mua nguyên - vật liệu, sửa chữa tàu).

- Trong năm 2016, tổng số nợ gốc vay đầu tư tàu Công ty đã trả ngân hàng năm 2016 là: 440.249 USD. Đây cũng là nỗ lực rất đáng ghi nhận của Công ty trong điều kiện còn quá nhiều khó khăn.

- Đầu năm công ty đã trả hết vay ngắn hạn 2.360 triệu đồng. Do tình hình kinh doanh vận tải biển khó khăn, các ngân hàng từ chối cấp tín dụng cho các doanh nghiệp vận tải biển. Để bổ sung vốn lưu động sửa chữa tàu Sea Dream, cuối tháng 12 năm 2016 Công ty đã phải huy động vay ngắn hạn cá nhân số tiền 1.368.675.000 đồng. Công ty đã ký hợp đồng với từng cá nhân và đảm bảo thanh toán lãi vay theo đúng quy định của pháp luật.

- Năm 2016 lỗ chi phí hoạt động tài chính là 5.176 triệu đồng trong đó lỗ do lãi vay 3.918 triệu đồng, lỗ do chênh lệch tỷ giá hối đoái 1.258 triệu đồng là các nhân tố chính ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Do các tàu của Công ty chủ yếu hình thành từ vốn vay USD nên lãi vay là gánh nặng rất lớn. Ngoài ra, chi phí đánh giá chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ hạch toán vào kết quả kinh doanh hàng năm rất lớn do tỷ giá VND/USD biến động tăng không ngừng (tỷ giá tại thời điểm 31/12/2015 là 22.520 đồng/USD (NH Việt Á) và 22.547 đồng/USD (NH Hàng hải), tại thời điểm



31/12/2016 là 22.810 đồng/USD, tăng hơn 1%). Trong 5 năm qua tổng lỗ do lãi vay là 32.125 triệu đồng và lỗ do chênh lệch tỷ giá là 22.315 triệu đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty trong giai đoạn hiện nay và trong những năm tới, cán bộ nhân viên trong công ty không ngừng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ quản lý. Ban điều hành chú trọng đến việc bổ nhiệm các cán bộ trẻ, có năng lực vào các vị trí quan trọng trong các phòng nghiệp vụ của công ty để các cán bộ này có điều kiện sát thực tế để kế cận.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tình hình thị trường kinh doanh vận tải biển năm 2017 chưa có dấu hiệu khởi sắc nên đầu tư mua tàu trong giai đoạn này cần phải tính toán, cân nhắc kỹ lưỡng về nguồn hàng, tuyến khai thác và chi phí khai thác, vận doanh tàu. Trước tình hình này, Công ty đề xuất chưa thực hiện chủ trương đầu tư đóng mới hay mua tàu đã qua sử dụng trong năm 2017.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường, xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng...)

Việc tiết kiệm nước, năng lượng không chỉ giảm chi phí, giảm giá thành vận tải mà còn bảo vệ môi trường. Sau khi đã nhận thức được điều này, người lao động công ty nâng cao tinh thần tiết kiệm khi tàu trên biển thuyền viên trung cất nước biển lấy nước ngọt dự trữ trong các két của tàu. Vận hành tàu chạy với tốc độ kinh tế để giảm tiêu hao nhiên liệu mà vẫn đảm bảo yêu cầu khai thác. Ngoài ra trong sinh hoạt hằng ngày, thuyền viên cũng tiết kiệm nước ngọt, tiết kiệm điện hơn trước.

Số lượng điện, nước tiêu thụ trong năm 2016 đã giảm hơn do người lao động trên văn phòng đã có ý thức trong việc tiết kiệm điện, nước.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Các chế độ chính sách liên quan đến người lao động phù hợp với pháp luật hiện hành giúp người lao động yên tâm làm việc, gắn bó với doanh nghiệp.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của DN đối với cộng đồng địa phương

Tham gia đầy đủ các chương trình hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác thông qua hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng. Từ đó định hướng cho người lao động công ty có ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương nơi làm việc và nơi sinh sống.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2016, giá cước giảm mạnh, hàng hóa khan hiếm theo. Tuy nhiên có số chuyến thời gian chạy rộng rãi nên trong năm 2016, công ty đã khai thác tàu Sea Dragon được 15 chuyến hàng và cho thuê định hạn từ 17/11 đến 31/12/2016. Tàu Sea Dream lên đà sửa chữa định kỳ 25 ngày, giá cước thuê định hạn giảm so với thời điểm lập kế hoạch nên lợi nhuận năm 2016 đã không đạt chỉ tiêu do ĐHCĐ thường niên năm 2016 đã đề ra:

+ Tổng doanh thu vận tải biển đạt 52.170 triệu đồng bằng 86,95% so với kế hoạch (60.000 triệu đồng) và bằng 68,30% so với năm 2015 (76.386 triệu đồng).

+ Năm 2016 lỗ hoạt động vận tải là 9.656 triệu đồng, lỗ do hoạt động tài chính (lãi vay, chênh lệch tỷ giá) là 5.176 triệu đồng; lỗ khác là 2 triệu đồng. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 lỗ 14.834 triệu đồng.

Công ty hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước đầy đủ, đúng hạn. Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn cho người lao động để bảo đảm quyền lợi cho người lao động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Giám đốc Điều hành là Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị nên việc thực thi các nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty được triển khai nhanh chóng, thuận lợi. Để giảm lỗ trong giai đoạn hiện nay, công ty triệt để chi tiêu, hạn chế tối đa các chi phí phát sinh trong khai thác tàu. Việc cung cấp, tiêu thụ nhiên liệu, vật tư phụ tùng được Công ty giám sát chặt chẽ, lựa chọn nhà cung cấp với giá cả phù hợp, chất lượng. Công tác quản lý tài chính, bảo toàn vốn được thực hiện đúng chính sách, qui định của nhà nước. Quản lý tốt các nguồn thu chi của Công ty, thực hiện đầy đủ các chế độ nghĩa vụ nộp thuế ngân sách cho nhà nước.

Năm qua là năm khó khăn trong kinh doanh vận tải biển, Giám đốc và cán bộ công nhân viên công ty đã nhiều cố gắng để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ mà HĐQT, ĐHQĐ giao phó, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty không bị gián đoạn và tuân thủ đúng pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1. Kế hoạch năm 2017:

a. Những chỉ tiêu chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2016	Số KH 2017/ TH 2016
1	Tổng doanh thu vận tải	40.000	52.170	76,67 %
2	Khấu hao cơ bản: Tỷ lệ (%)	5,62%	5,62%	100,00%
	Thành tiền	15.913	15.913	100,00%
	Tàu Sea Dream	5,00%	5,00%	100,00%
	Tàu Sea Dragon	6,67%	6,67%	100,00%
3	Quỹ lương	8.600	8.507	101,09%
4	Lãi sau thuế	(7.300)	(14.834)	
5	Thù lao HĐQT	0	0	
6	Mức chia cổ tức	0	0	

103
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Doanh thu giảm do giá cước giảm dần qua các năm. Giá các dịch vụ phục vụ cho hoạt động vận hành khai thác tàu không giảm mà có xu hướng tăng. Đây là nguyên nhân khiến cho kinh doanh vận tải biển chưa có dấu hiệu phục hồi. Ngoài ra tỷ giá dollar Mỹ biến động tăng mạnh qua các năm nên chi phí phát sinh do đánh giá lại tỷ giá số dư gốc ngoại tệ cuối năm, chi phí lãi vay dài hạn làm công ty thêm lỗ.

b. Kế hoạch bán tàu:

Căn cứ vào kết quả kinh doanh tàu Sea Dragon trong những năm qua HĐQT công ty nhận thấy ngoài khó khăn trong khai thác kinh doanh tàu, chi phí lãi vay dài hạn, chi phí chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ khoản vay dài hạn mua tàu là những nguyên nhân khiến tàu Sea Dragon thường lỗ. HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt bán tàu Sea Dragon trong năm 2017 tại thời điểm thích hợp và giá cả hợp lý nhằm giảm áp lực tài chính và giảm lỗ. Sau khi bán tàu Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng Quản trị điều chỉnh kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2017, kể cả việc điều chỉnh về kết quả kinh doanh và báo cáo lại tại Đại hội đồng Cổ đông gần nhất.

c. Cho thuê một phần trụ sở để tăng nguồn thu:

Do tình hình kinh doanh vận tải biển khó khăn, hiện nay khối văn phòng công ty chỉ có 11 người và sẽ không tăng thêm trong những năm tới. Để tăng nguồn thu, công ty dự kiến sắp xếp lại vị trí các phòng ban để các phòng trống cho thuê làm văn phòng. Trụ sở công ty có diện tích mặt bằng rộng phù hợp với quy mô công ty khoảng 40 người làm việc. HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt cho thuê một phần trụ sở Công ty nhằm tăng nguồn thu.

3.2. Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2017:

Trong bối cảnh nền kinh tế nước nhà còn ảm đạm, thị trường vận tải biển còn nhiều khó khăn, khả năng tài chính Công ty lại eo hẹp, lãnh đạo Công ty đặt ra mục tiêu đề phân đấu trong năm 2017 như sau:

- Cố gắng duy trì ổn định hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Triệt để tiết kiệm chi phí, duy trì chất lượng dịch vụ, đẩy mạnh công tác tìm kiếm thêm khách hàng để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Thực hiện các giải pháp phù hợp nhằm giảm áp lực tài chính và dòng tiền cho hoạt động kinh doanh.
- Đảm bảo việc làm, đời sống người lao động và lợi ích của các cổ đông.
- Phát huy thế mạnh của công ty vận tải biển, nghiên cứu triển khai dịch vụ quản lý tàu thuê nhằm tăng thêm thu nhập, tạo công ăn việc làm cho người lao động.

VI. Báo cáo tài chính

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư Vấn RSM Việt Nam (D.T.L) đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 và phát hành Báo cáo Kiểm toán vào ngày 21 tháng 03 năm 2017.

1. Ý kiến kiểm toán: “Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận Tài Biển Hải Âu vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

Các vấn đề cần nhấn mạnh: “Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2.2 trong báo cáo tài chính về khoản lỗ thuần 22.707.638.067 VND của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản của công ty là 22.707.638.067 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

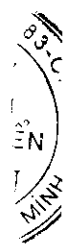
Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.943.427.935	12.354.627.231
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	113.181.532	1.340.066.081
1. Tiền	111		113.181.532	1.340.066.081
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.166.295.027	1.826.469.430
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		152.341.970	692.047.430
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		682.893.437	853.485.300
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		331.059.620	280.936.700
III. Hàng tồn kho	140	5.2	1.021.676.975	1.822.849.963
1. Hàng tồn kho	141		1.021.676.975	1.822.849.963
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.642.274.401	7.365.241.757
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.3	575.495.946	97.894.748
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.066.778.455	7.267.347.009
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		117.392.269.976	131.673.744.095
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17.000.000	17.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		17.000.000	17.000.000
II. Tài sản cố định	220		107.500.943.823	123.558.762.051
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.4	100.817.123.823	116.874.942.051
Nguyên giá	222		290.328.363.661	290.328.363.661
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(189.511.239.838)	(173.453.421.610)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.5	6.683.820.000	6.683.820.000
Nguyên giá	228		6.683.820.000	6.683.820.000
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		205.155.121	205.155.121
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		205.155.121	205.155.121
IV. Tài sản dài hạn khác	260		9.669.171.032	7.892.826.923
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.3	9.669.171.032	7.892.826.923
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		121.335.697.911	144.028.371.326

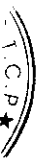


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		144.043.335.978	151.901.987.825
I. Nợ ngắn hạn	310		144.043.335.978	85.726.967.825
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	5.6	6.536.463.443	7.349.790.249
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		24.953.228	24.635.979
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		750.000	1.434.000
4. Phải trả người lao động	314	5.7	2.599.521.600	3.315.358.613
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.8	23.615.278.140	20.329.902.982
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.9	1.437.314.517	1.520.133.472
		5.1		
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	0	109.807.415.000	53.103.072.480
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		21.640.050	82.640.050
II. Nợ dài hạn	330		-	66.175.020.000
		5.1		
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	0	-	66.175.020.000
		5.1		
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1	(22.707.638.067)	(7.873.616.499)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(22.707.638.067)	(7.873.616.499)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
	411			
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	a		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(188.100.000)	(188.100.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(72.519.538.067)	(57.685.516.499)
	421			
LNST lũy kế đến cuối năm trước	a		(57.685.516.499)	(46.062.707.520)
	421			
LNST năm nay	b		(14.834.021.568)	(11.622.808.979)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		121.335.697.911	144.028.371.326



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	52.170.205.312	76.385.554.838
1. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		52.170.205.312	76.385.554.838
3. Giá vốn hàng bán	11	6.2	57.397.154.173	67.913.878.219
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(5.226.948.861)	8.471.676.619
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.048.432.066	79.237.320
6. Chi phí tài chính	22	6.3	6.224.151.266	15.509.029.030
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>3.918.044.547</i>	<i>5.298.093.080</i>
7. Chi phí bán hàng	24	6.4	1.277.228.322	1.530.100.617
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	3.152.025.185	3.037.894.147
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(14.831.921.568)	(11.526.109.855)
10. Thu nhập khác	31		1.697.699.388	3.816.408.432
11. Chi phí khác	32		1.699.799.388	3.913.107.556
12. Lợi nhuận khác	40		(2.100.000)	(96.699.124)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(14.834.021.568)	(11.622.808.979)
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(14.834.021.568)	(11.622.808.979)
15. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70		(2.978)	(2.333)
16. Lãi/(Lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71		(2.978)	(2.333)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	M ã số	T M	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(14.834.021.568)	(11.622.808.979)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BDSĐT	02		16.057.818.228	16.057.818.228
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.261.952.734	6.341.805.247
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(163.636.364)
Chi phí lãi vay	06		3.918.044.547	5.298.093.080
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		7.403.793.941	15.911.271.212
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.860.742.957	(1.765.342.713)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		801.172.988	2.448.297.473
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.971.952.594)	(11.116.337.898)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(2.253.945.307)	4.128.276.921
Tiền lãi vay đã trả	14		(300.480.554)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(61.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.478.331.431	9.606.164.995
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	163.636.364
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	163.636.364
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.368.675.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(13.073.732.480)	(11.033.044.309)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.705.057.480)	(11.033.044.309)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.340.066.081	2.603.792.326
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(158.500)	(483.295)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	5.1	113.181.532	1.340.066.081

4103
 CÔNG
 S. PH.
 TÀI E
 I. A.
 CHI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận Tải Biển Hải Âu (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000083 ngày 01 tháng 06 năm 2000 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 07 tháng 07 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 50.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 47 (31/12/2015: 52).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải biển trong và ngoài nước;
- Thực hiện các giao dịch đại lý: tàu biển, giao nhận vận tải đa phương thức;
- Môi giới hàng hải; Cung ứng tàu biển; Kinh doanh xuất nhập khẩu.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Giả định về tính hoạt động liên tục

Công ty có khoản lỗ thuần 22.707.638.067 VND trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tổng tài sản của công ty là 22.707.638.067 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc hoạt động kinh doanh có lãi, việc tiếp tục gia hạn nợ vay của các ngân hàng và tài trợ của các chủ đầu tư trong tương lai. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Ban Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ để Công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính đính kèm vẫn được soạn thảo trên cơ sở giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

DU
TY
N
TIEN
T
MINH

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Ngoại tệ

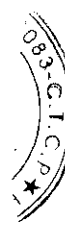
Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá tỷ giá theo từng ngân hàng phát sinh giao dịch.
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là theo tỷ giá bán của ngân hàng.
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua của ngân hàng.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

4.4. Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

4.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 20 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

4.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến mua vật tư và chi phí sửa chữa tàu. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9. Nợ phải trả

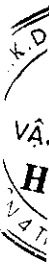
Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.



4.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.12. Doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.14. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

4.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân viên, hoa hồng...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác.

4.16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

110
CÔNG
CỐ P
N TÀI
ẢI A
HỒ C

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	99.248.993	125.979.976
Tiền gửi ngân hàng	13.932.539	1.214.086.105
Cộng	113.181.532	1.340.066.081

5.2. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.021.676.975	-	1.822.849.963	-



5.3. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí vật tư sửa chữa	575.495.946	97.894.748
Cộng	575.495.946	97.894.748
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa tàu	6.692.133.742	5.467.477.698
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	2.977.037.290	2.425.349.225
Cộng	9.669.171.032	7.892.826.923
Tổng cộng	10.244.666.978	7.990.721.671

(Xem tiếp trang sau)

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2016	7.235.675.183	40.826.894	282.983.929.144	67.932.440	290.328.363.661
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	7.235.675.183	40.826.894	282.983.929.144	67.932.440	290.328.363.661
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2016	1.051.054.652	40.826.894	172.293.607.624	67.932.440	173.453.421.610
Khấu hao trong năm	144.713.508	-	15.913.104.720	-	16.057.818.228
Tại ngày 31/12/2016	1.195.768.160	40.826.894	188.206.712.344	67.932.440	189.511.239.838
Giá trị còn lại:	-	-	-	-	-
Tại ngày 01/01/2016	6.184.620.531	-	110.690.321.520	-	116.874.942.051
Tại ngày 31/12/2016	6.039.907.023	-	94.777.216.800	-	100.817.123.823

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 94.777.216.800 VND – Xem thêm mục 5.10.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 108.759.334 VND.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài tại số 12 Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

5.6. Phải trả người bán

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Glander International Bunkering Pte. Ltd	2.606.786.790	2.353.340.000
Công ty TNHH TM DV CN Nguyễn Hưng	839.272.500	-
Công ty TNHH MKP Shipping	698.216.400	-
Phải trả đối tượng khác	2.392.187.753	4.996.450.249
Cộng	6.536.463.443	7.349.790.249

5.7. Phải trả người lao động

Chủ yếu là khoản tiền lương còn phải trả cho một số thuyền viên.

5.8. Chi phí phải trả

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Chi phí bảo hiểm tàu	131.741.210	463.930.045
Chi phí lãi vay	23.483.536.930	19.865.972.937
Cộng	23.615.278.140	20.329.902.982

5.9. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ	185.558.779	153.288.294
Các khoản phải trả khác	147.563.059	262.921.499
Cổ tức	807.073.600	807.073.600
Thuế thu nhập cá nhân tạm khấu trừ	297.119.079	296.850.079
Cộng	1.437.314.517	1.520.133.472

5.10. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016	Trong năm		Tại ngày 01/01/2016
		Tăng	Giảm	
Vay ngắn hạn	1.368.675.000	1.368.675.000	2.260.000.000	2.260.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	108.438.740.000	68.409.400.000	10.813.732.480	50.843.072.480
Cộng	109.807.415.000	69.778.075.000	13.073.732.480	53.103.072.480

Vay dài hạn	-	-	66.175.020.000	66.175.020.000
Cộng	-	-	66.175.020.000	66.175.020.000
Tổng Cộng	109.807.415.000	69.778.075.000	79.248.752.480	119.278.092.480

Vay ngắn hạn là khoản vay cá nhân nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, không có thế chấp, không có thời hạn vay cụ thể và chịu lãi suất từ 10%/năm.

Vay dài hạn là các khoản vay ngân hàng bằng USD nhằm mục đích mua và đóng các tàu kinh doanh vận tải biển, được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay (là các con tàu Sea Dream, Sea Dragon). Các khoản vay này có kỳ hạn từ 93 đến 111 tháng và chịu lãi suất hiện tại từ 4,3% đến 6,5%/năm – Xem thêm mục 5.4.

5.11. Vốn chủ sở hữu

5.11.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

ĐVT: ngàn đồng

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại ngày					
01/01/2015	50.000.000	(188.100)	(3.513.232)	(46.062.707)	235.961
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(11.622.809)	(11.622.809)
Giảm khác	-	-	3.513.232	-	3.513.232
Tại ngày	50.000.000	(188.100)	-	(57.685.516)	(7.873.616)
01/01/2016					
Lỗ trong năm nay	-	-	-	(14.834.022)	(14.834.022)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày	50.000.000	(188.100)	-	(72.519.538)	(22.707.638)
31/12/2016					

5.11.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	13.230.000.000	13.230.000.000
Tổng công ty Bảo Việt Nhân Thọ	4.410.000.000	4.410.000.000
Công ty Cổ phần Quỹ Tín Phát	4.409.000.000	4.410.000.000
Các cổ đông khác	27.951.000.000	27.950.000.000
Cộng	50.000.000.000	50.000.000.000

5.11.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phần đã bán ra	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phần được mua lại	(18.810)	(18.810)
Số lượng cổ phần đang lưu hành	4.981.190	4.981.190

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.11.4. Lỗ cơ bản/ Suy giảm trên cổ phần

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(14.834.021.568)	(11.622.808.979)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lỗ để tính Lỗ cơ bản/Suy giảm trên cổ phiếu	(14.834.021.568)	(11.622.808.979)
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	4.981.190	4.981.190
Lỗ cơ bản/Suy giảm trên cổ phiếu	(2.978)	(2.333)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Là doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển.

6.2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển.

6.3. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	3.918.044.547	5.298.093.080
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.306.106.719	10.210.935.950
Cộng	6.224.151.266	15.509.029.030

6.4. Chi phí bán hàng

Là các khoản chi phí hoa hồng về môi giới dịch vụ vận tải biển.

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên	1.993.781.978	1.945.700.068
Chi phí đồ dùng văn phòng	50.603.092	38.721.363
Chi phí khấu hao tài sản cố định	144.713.508	144.713.508
Chi phí dịch vụ mua ngoài	157.901.859	159.546.025
Chi phí khác bằng tiền	805.024.748	749.213.183
Cộng	3.152.025.185	3.037.894.147

6.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.651.163.860	25.942.188.823
Chi phí nhân công	10.708.834.840	10.364.795.032
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.057.818.228	16.057.818.228
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.887.146.448	16.088.225.935
Chi phí khác bằng tiền	3.521.444.304	4.028.844.965
Cộng	61.826.407.680	72.481.872.983

6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

- Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam
– Công ty TNHH MTV
- Nguyễn Hữu Hoàn

Mối quan hệ

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Giám đốc Công ty

Thu nhập của Ban Giám đốc

	Năm 2016	Năm 2015
Lương Ban Giám đốc	309.172.000	393.100.000

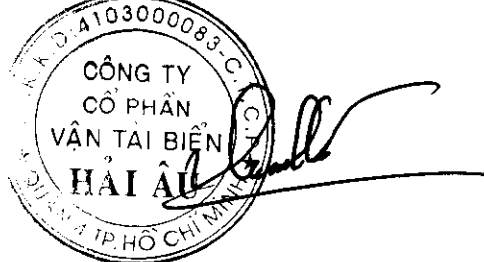
8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 04 năm 2017

CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN HẢI ÂU

Giám đốc điều hành



NGUYỄN HỮU HOÀN